

HỢP ĐỒNG TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN

TERM DEPOSIT AGREEMENT

Số/ Number : (ghi số tài khoản của HĐ TGCKH)

Ngày ký/ Signing date :

1.	BÊN A (Bên Nhận gửi) <i>PARTY A (Receiver)</i>	:	NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (SACOMBANK) CHI NHÁNH/PGD - SAIGON THƯƠNG TÍN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK (SACOMBANK)..... BRANCH/TRANSACTION OFFICE
	Địa chỉ/ Address	:	
	Điện thoại / Fax/ Phone/Fax	:	
	Đại diện bởi Ông/Bà – Chức vụ <i>Represented by Mr./Ms. – Position</i>	:	
	Theo văn bản ủy quyền số <i>Power of Attorney No.</i>	:	

2.	BÊN B (Bên Gửi) <i>PARTY B (Depositor)</i>	:		Mã KH: <i>Customer code</i>
<i>{Nếu Bên Gửi là cá nhân thì điền các thông tin sau}</i>				
	Số CMND/CCCD/HC <i>ID/Passport</i>	:		Ngày cấp: <i>Date of issue</i>
	Quốc tịch/ Nationality	:		
	Thuộc đối tượng/ Is	:	Người cư trú/ Người không cư trú/ <i>Resident/Non-Resident</i>	
	Đại diện bởi Ông/Bà <i>Represented by Mr./Ms.</i>	:		
	Số CMND/CCCD/HC <i>ID/Passport</i>	:		Ngày cấp: <i>Date of issue</i>
	Giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp/ <i>Documents evidencing the legal representation</i>	:		
<i>{Nếu Bên Gửi là tổ chức thì điền các thông tin sau}</i>				
	Tên giao dịch hoặc tên viết tắt <i>Transaction/Abbreviated name</i>	:		Mã KH: <i>Customer's code</i>
	Quyết định thành lập/ Giấy chứng nhận ĐKKD/ Giấy chứng nhận ĐKDN/ Giấy phép đầu tư số/ Mã số thuế <i>Establishment Decision/ Business Registration Certificate/ Enterprise Registration Certificate/ Investment License No./ Tax Code</i>	:		Ngày cấp: <i>Date of issue</i>
	Thuộc đối tượng/ Is	:	Người cư trú/ Người không cư trú/ <i>Resident/Non-Resident</i>	
	Địa chỉ/ Address	:		

Điện thoại / Fax/ Phone/Fax	:		
Đại diện bởi Ông/Bà – Chức vụ <i>Represented by Mr./Ms. – Position</i>	:		
Số CMND/CCCD/HC <i>ID/Passport</i>	:		Ngày cấp: <i>Date of issue</i>
Theo văn bản ủy quyền số <i>Power of Attorney No.</i>	:		

Bên A đồng ý nhận tiền gửi có kỳ hạn của Bên B với những điều khoản và điều kiện sau:
Party A agrees to receive Party B's term deposit under the following terms and conditions:

1. **Số tiền gửi/Deposit amount**.....
(Bằng chữ/*In words*:.....)
2. **Đồng tiền gửi/Currency**..... **Thời hạn gửi tiền/Deposit term**.....
3. **Ngày gửi tiền/Deposit date**..... **Ngày đến hạn/Maturity date**.....
4. **Lãi suất/Interest rate**:%/năm, với cơ sở tính lãi là 365/365 (*%/year and the basis of interest calculation is 365/365*).....
5. **Phương thức nộp tiền/Deposit method**:
 - Để gửi tiền có kỳ hạn theo Hợp đồng này, vào ngày gửi tiền theo Điều 3 nêu trên, Bên B phải thực hiện gửi đầy đủ số tiền gửi quy định tại Điều 1 theo phương thức sau: *To make the term deposit according to this Agreement, on Deposit date mentioned in Article 3 above, Party B must deposit the amount mentioned in Article 1 in full by the following methods:*
 - Ủy quyền cho Bên A được trích tiền từ tài khoản thanh toán của Bên B mở tại Bên A với thông tin tài khoản như sau/ *Authorize Party A to deduct all deposit amount from Party B's current account opened at Party A, with contents as follow:*
 - + Chủ tài khoản/*Account holder*:
 - + Số tài khoản/*Account No*:
 - Chuyển tiền đến Bên A từ tài khoản thanh toán của Bên B mở tại Ngân hàng.....Tỉnh,TP:..... với thông tin như sau/ *Transfer all deposit amount to Party A from Party B's current account opened at Bank:....., Province, City:*
 - + Chủ tài khoản/*Account holder*:
 - + Số tài khoản/*Account No*:

Với nội dung chuyển khoản như sau/ *With the transfer contents as follows:*

 - + Người thụ hưởng/*Beneficiary*: [Tên Khách hàng/ *Customer name*]
 - + Ngân hàng thụ hưởng/*Beneficiary Bank*: [Tên Đơn vị/ *Branch/Transaction office name*] (NH TMCP SGTT - CN...../ *Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - ... Branch/Transaction office*)
 - + Nội dung diễn giải/*Remark*: “Tên Khách hàng” chuyển tiền HD TGCKH số - CN...../ *“Customer name” transfer money for Term deposit agreement No.... - ... Branch.*
6. **Phương thức trả lãi/Interest payment method**: Lãi cuối kỳ/ Lãi hàng tháng/Lãi hàng quý/ Lãi trả trước
Interest payment at maturity/ Monthly interest payment/ Quarterly interest payment/ Prepaid interest payment
{Đơn vị tự chọn}
7. **Tài khoản nhận chi trả gốc và/hoặc lãi tiền gửi /Account of receiving principal and interest**
Nếu không có thỏa thuận khác bằng văn bản, việc chi trả gốc và/hoặc lãi sau khi trừ phí phát sinh (nếu có) thực hiện theo phương thức sau/ *Unless otherwise agreed in writing, the payment of principal and/or interest after deducting arising fees (if any) shall be performed by the following methods:*
 - Bên A chuyển khoản toàn bộ gốc và/hoặc lãi theo Hợp đồng này vào tài khoản của Bên B mở tại Bên A với thông tin sau/ *Party A transfers all principal and/or interest under this Agreement to Party B's account opened at Party A with contents as follows:*

- + Chủ tài khoản/*Account holder*:
- + Số tài khoản/*Account No*:
- Bên A chuyển khoản toàn bộ gốc và/hoặc lãi theo Hợp đồng này vào tài khoản của Bên B mở tại ngân hàng khác với thông tin như sau/ *Party A transfers all principal and/or interest under this Agreement to Party B's account opened at another bank with contents as follows:*
 - + Đơn vị thụ hưởng/*Beneficiary*:
 - + Số tài khoản/*Account No*:
 - + Tại ngân hàng/*At Bank*:Tỉnh/TP/Province/City:.....

8. Rút trước hạn/*Premature withdrawal*:

{Nếu HĐ này là HĐ TGCKH truyền thống, Đơn vị chọn nội dung sau}

- Bên B chỉ được rút trước hạn toàn bộ số tiền gửi, không được rút gốc từng phần/*Party B can only prematurely withdraw all deposit amount and is not allowed to withdraw a part of the deposit amount.*

{Nếu HĐ này là HĐ TGDN, Đơn vị chọn nội dung sau}

- Bên B được quyền rút gốc từng phần hoặc toàn bộ số tiền gửi trong thời gian gửi tiền/*Party B is entitled to prematurely withdraw a partial /whole deposit amount during the deposit term.*
- Nếu Bên B rút gốc trước hạn một phần thì phần gốc rút trước hạn được hưởng lãi suất không kỳ hạn thấp nhất của Bên A tại thời điểm rút theo thời gian gửi tiền thực tế/*In case of premature withdrawal of a partial principal, Party B shall enjoy the lowest non – term interest of Party A for the principal prematurely withdrawn at the time of withdrawal according to the actual deposit time.*
- Số tiền duy trì từ ngày gửi tiền đến ngày đến hạn, Bên B được hưởng lãi theo lãi suất đã cam kết ghi trên Hợp đồng này/*Party B shall enjoy the interest rate as agreed in this Agreement for the deposit amount maintained from the deposit date to the maturity date.*

9. Tái tục hợp đồng/*Renewal of Agreement*: không tái tục/ tái tục/*Non-renewal/Renewal* {Đơn vị chọn và lược bỏ nội dung còn lại}

10. Phương thức tái tục/*Renewal method*: tái tục vốn/tái tục vốn và lãi/*Automatic renewal of principal/ Automatic renewal of principal and interest*. {Đơn vị chọn và lược bỏ nội dung còn lại}.

11. Điều khoản thi hành/*Terms of enforcement*

- Hợp đồng này cùng với Phụ lục Điều khoản, điều kiện tiền gửi có kỳ hạn là một phần không thể tách rời tạo nên Hợp đồng này, tạo nên toàn bộ thỏa thuận giữa Bên A và Bên B về tiền gửi có kỳ hạn. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa nội dung Hợp đồng này và Phụ lục Điều khoản, điều kiện tiền gửi có kỳ hạn, nội dung Hợp đồng này được ưu tiên áp dụng./ *This Agreement, together with the Appendix on Terms and conditions on the term deposit, which is an integral part of this Agreement, shall constitute all agreement between Party A and Party B on the term deposit. In case of any inconsistency between this Agreement and the Appendix on Terms and Conditions on the term deposit, this Agreement shall prevail.*
- Bằng việc ký vào Hợp đồng này, Bên B xác nhận đã được cung cấp đầy đủ, đã đọc, hiểu rõ và chấp nhận tuân thủ Phụ lục Điều khoản, điều kiện tiền gửi có kỳ hạn, các thông tin, quy định của Sacombank về sản phẩm, dịch vụ/ *By signing this Agreement, Party B confirms that it has been fully provided, has read, understood and accepted to comply with the Appendix on Terms and Conditions on the term deposit, information and Sacombank's regulations on products and services.*
- Việc sửa đổi, bổ sung Phụ lục Điều khoản, Điều kiện này, các thông tin, quy định về sản phẩm, dịch vụ sẽ được Bên A thông báo cho Bên B trước khi có hiệu lực bằng một trong các hình thức: gửi thư (hoặc thư điện tử) trực tiếp đến địa chỉ của Bên B cung cấp hoặc công bố trên website của Bên A hoặc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc niêm yết tại các điểm giao dịch của Bên A. Bên B có trách nhiệm chủ động truy cập website hoặc đến địa điểm giao dịch của Bên A để liên tục cập nhật các sửa đổi, bổ sung này. Các sửa đổi, bổ sung sẽ chỉ có giá trị hiệu lực nếu Bên B tiếp tục sử dụng dịch vụ sau khi sửa đổi, bổ sung có hiệu lực. Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng này bằng cách gửi Thông báo bằng văn bản cho Sacombank trước 3 ngày

nếu không đồng ý với các sửa đổi, bổ sung này/ *The amendment and supplement of this Appendix on Terms and Conditions, information, and regulations on products and services will be notified by Party A to Party B before taking effect by one of the following methods: send mail/email directly to the address provided by Party B or publish on Party A's website or announce on the mass media or post at Party A's transaction points. Party B shall be responsible to actively access Party A's website or come to Party A's transaction points to continuously stay updated on such amendments and supplements. The amendments and supplements will only be valid if Party B continues to use the service after the amendments and supplements take effect. Party B has the right to terminate this Agreement by sending a 03-days prior written notice to Sacombank if Party B does not agree with these amendments and supplements.*

- *Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn tất quyền và nghĩa vụ được thỏa thuận tại Hợp đồng này/ This Agreement shall be effective from the signing date and terminated when the Parties complete all rights and obligations agreed in this Agreement.*
- *Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa ngôn ngữ tiếng Anh và ngôn ngữ tiếng Việt thì ngôn ngữ tiếng Việt được ưu tiên áp dụng/ This Agreement is made in 02 (two) copies with the same validity, each party keeps 01 (one) copy. In case of any inconsistency between English and Vietnamese versions, the Vietnamese version shall prevail.*

ĐẠI DIỆN BÊN B
FOR AND ON BEHALF OF PARTY B

ĐẠI DIỆN BÊN A
FOR AND ON BEHALF OF PARTY A